

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN HẢI  
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ- ST  
Ngày: 28/01/2022  
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Trần Văn Hiếu .
  2. Bà Đặng Thị Hòa.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX- ST ngày 05/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 giữa:

*1. Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Ngọc B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã D, huyện H, Thái Bình

*2. Bị đơn:* Anh Lương Quang Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

( Chị B có mặt; anh Đ vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:* Chị B và anh Đ kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 22/9/2020. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng không hiểu và không thông cảm cho nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có

hạnh phúc. Từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay chị và anh Đ sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị B và anh Đ có một con chung là Lương Đức A, sinh ngày 15/3/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung sống cùng chị B. Sau khi ly hôn chị B xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Về tài sản chung, công nợ: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn hòa giải tại Trung tâm hòa giải Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, anh Lương Quang Đ có mặt và quan điểm của anh Đ tại buổi hòa giải là không đồng ý ly hôn với chị B và không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung và tài sản chung. Do chị B và anh Đ không thống nhất thỏa thuận giải quyết được vụ việc tại Trung tâm hòa giải nên chị B có đơn đề nghị chuyển vụ việc xin ly hôn sang Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Tòa án, Bị đơn là anh Lương Quang Đ vắng mặt và không có lời khai.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2021 ông Lương Đức L là bố đẻ anh Lương Quang Đ trình bày:* Anh Đ và chị B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn ngày 22/9/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị B và anh Đ về chung sống cùng gia đình ông tại Thôn 1, xã T. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ tháng 3 năm 2021 chị B chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị B tại xã Đ sinh sống. Về con chung: Anh Đ và chị B có một con chung là Lương Đức A, sinh ngày 15/3/2021, cháu Anh hiện đang sống cùng chị B. Anh Đ hiện đang làm trên Hà Nội, thỉnh thoảng có về nhà. Gia đình ông có biết việc ly hôn giữa chị B và anh Đ, quan điểm của gia đình ông mong muốn vợ chồng chị B đoàn tụ. Ông L nhận các văn bản của Tòa án và cam kết thông báo cho anh Đ biết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/12/2021, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Lương Quang Đ kết hôn ngày 22/9/2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, chị B và anh Đ có một con chung là Lương Đức A, sinh ngày 15/3/2021, con chung hiện đang sống cùng chị B. Chị B và anh Đ đều có hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã T, huyện H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Lương Quang Đ; về con chung: Giao con chung Lương Đức A, sinh ngày 15/3/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]. Về tố tụng:** Bị đơn anh Lương Quang Đ có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Lương Quang Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2]. Về nội dung:**

**[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Lương Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 22/9/2020. Tại thời điểm kết hôn chị B và anh Đ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị B và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay chị B và anh Đ sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn anh Đ đã được Tòa án giao, gửi Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của anh Đ về việc chị B xin ly hôn anh Đ, mặt khác từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay chị B và anh Đ không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của chị B và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2]. Về con chung:** Chị B và anh Đ có một con chung là Lương Đức A, sinh ngày 15/3/2021. Nguyên vọng của chị B sau khi ly hôn xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có lời khai thể hiện quan điểm của anh Đ về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Mặt khác, con chung của chị B và anh Đ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con chung của chị B và anh Đ là cháu Lương Đức A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt

ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Lương Quang Đ.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lương Đức A, sinh ngày 15/3/2021. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Anh Lương Quang Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002231 ngày 20/10/2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/01/2022).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Linh**